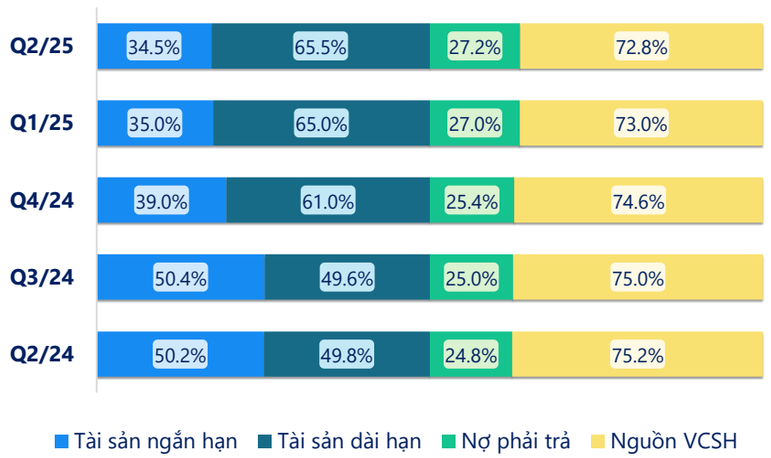
FireAnt

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,720
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	195
P/E	-30.3
EPS	-129

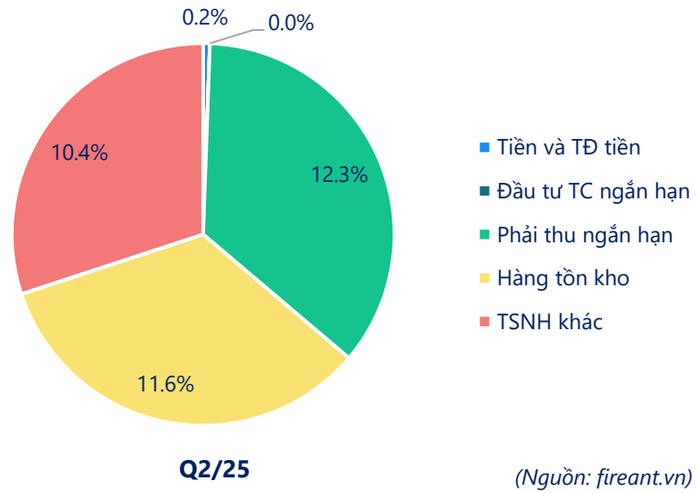
	YTD	1T	3T	6T
PVL	-2.5%	0.0%	-4.9%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



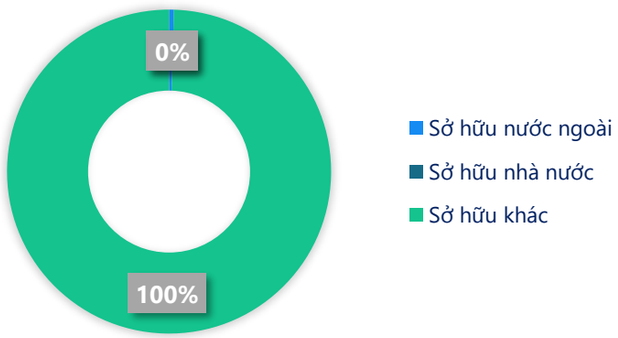
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



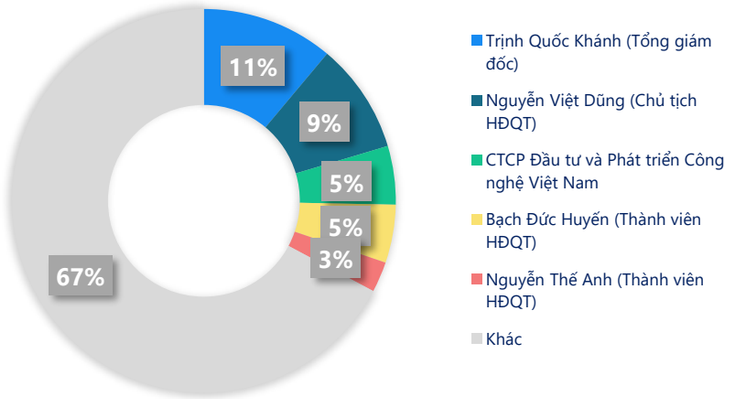
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



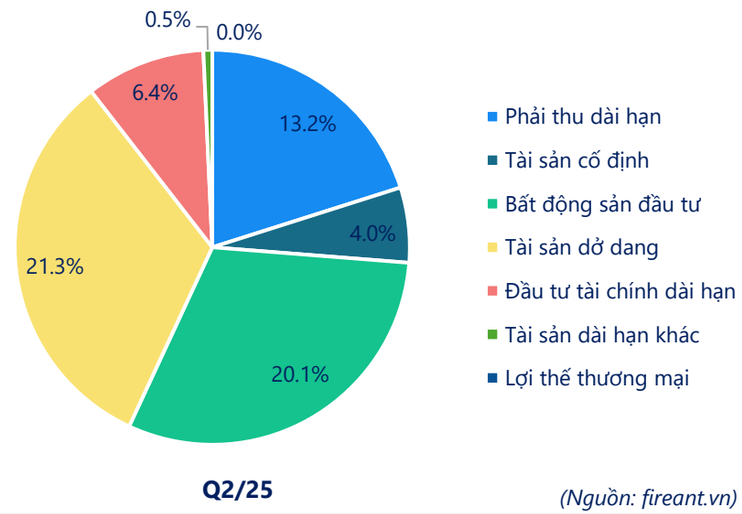
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

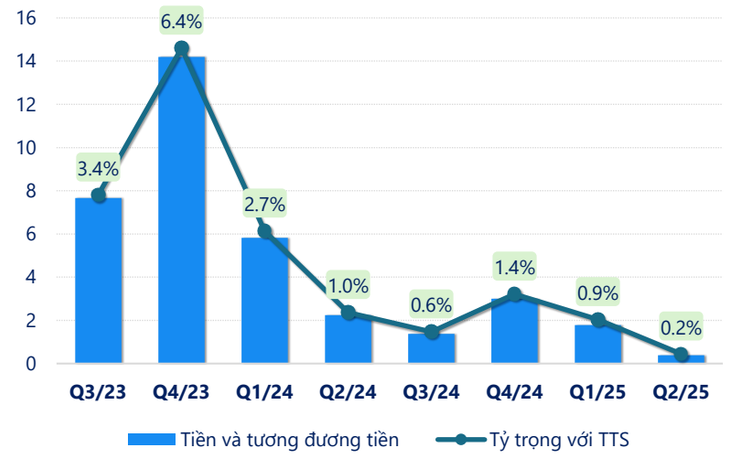


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

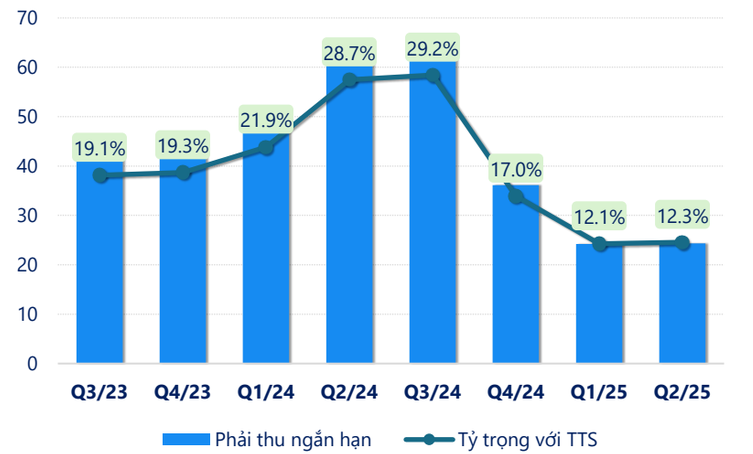
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



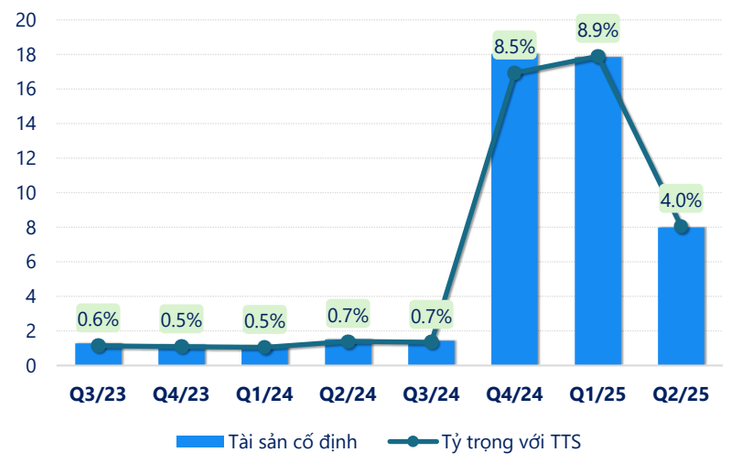
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



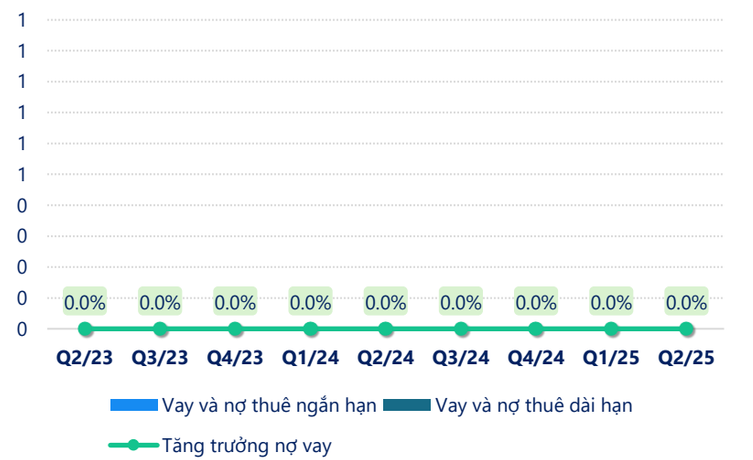
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



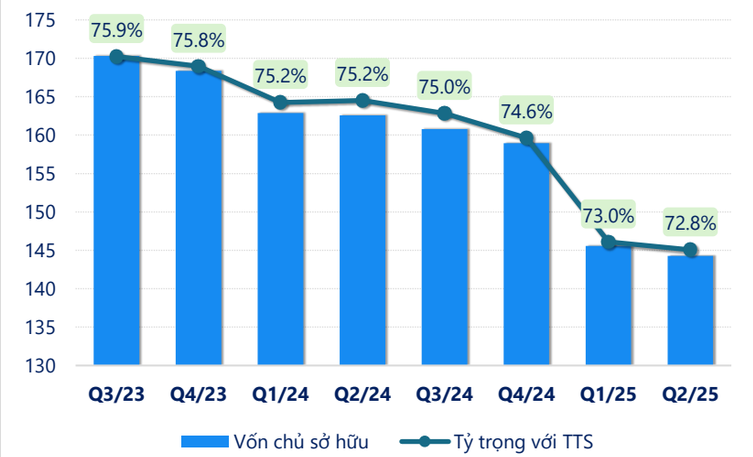
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

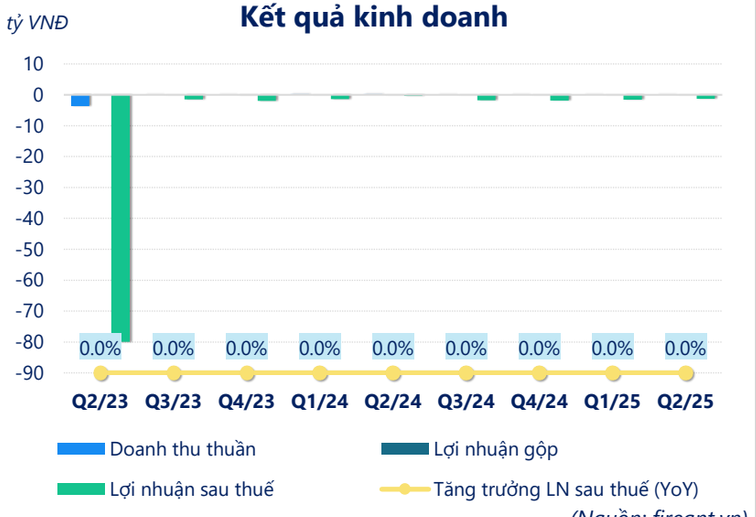
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

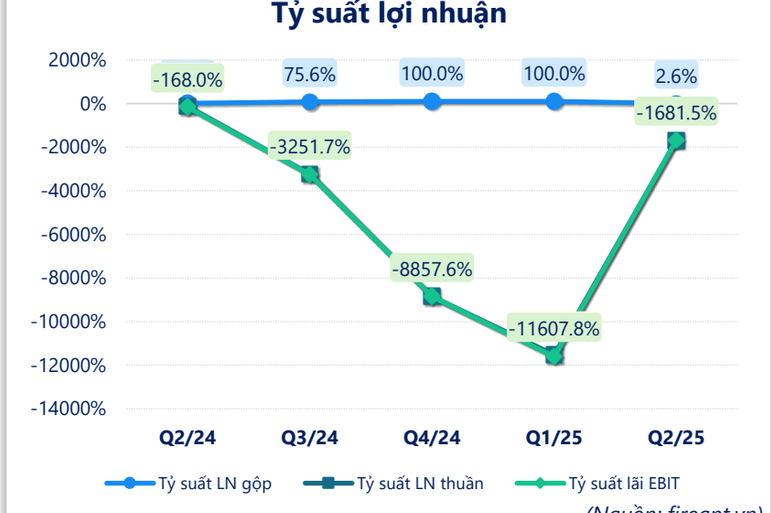
CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

Kết quả kinh doanh



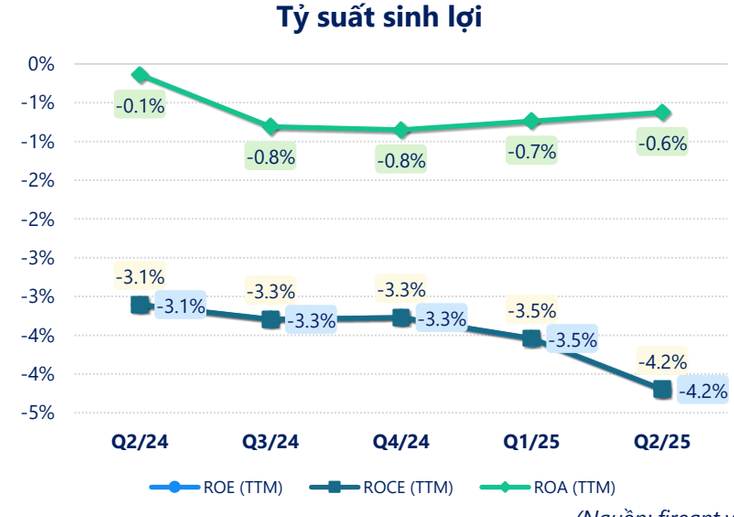
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



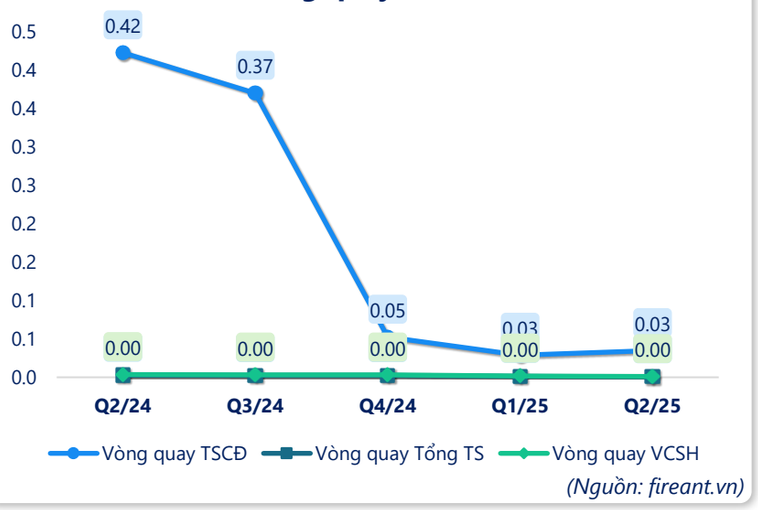
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



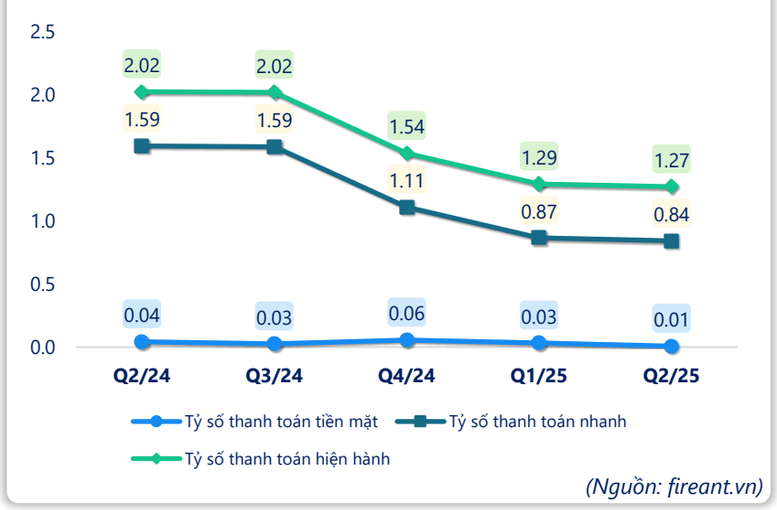
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



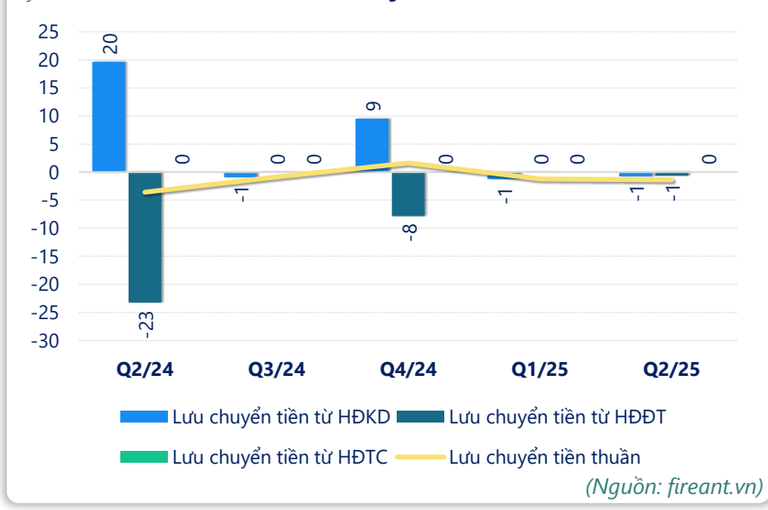
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt (UPCOM: PVL)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**198**	**201**	**-1.5%**
Tài sản ngắn hạn	68.3	71.2	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	0.39	3.00	-87.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.36	-100%
Phải thu ngắn hạn	24.3	24.3	0.2%
Hàng tồn kho	23.0	23.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.5	0.2%
Tài sản dài hạn	**130**	**130**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	26.1	26.7	-2.2%
Tài sản cố định	7.98	18.0	-55.7%
Bất động sản đầu tư	39.8	29.5	35.0%
Tài sản dở dang	42.3	42.2	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.94**	**0.88**	**6.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.8	54.1	-0.5%
Nợ ngắn hạn	**53.7**	**54.0**	**-0.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.8	18.0	-0.9%
Nợ dài hạn	0.10	0.00	10532%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**144**	**147**	**-1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**144**	**147**	**-1.9%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0.19	0.05	0.02	0.01	0.08
Giá vốn hàng bán	0.16	0.01	0	0	0.07
Lợi nhuận gộp	0.02	0.04	0.02	0.01	0.00
Doanh thu HĐTC	0.08	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	-0.01	0	0.31	0.02	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.37	1.80	1.55	1.52	1.29
LN thuần từ HĐKD	-0.25	-1.76	-1.84	-1.52	-1.30
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.01	0.00	-0.01	0.01
LN trước thuế	-0.31	-1.77	-1.85	-1.53	-1.29
Lợi nhuận sau thuế	-0.31	-1.77	-1.85	-1.53	-1.29
LNST của CĐ cty mẹ	-0.31	-1.77	-1.85	-1.53	-1.29

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.6	-0.90	9.49	-1.22	-0.73
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.2	0.04	-7.87	0.00	-0.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.82	2.24	1.38	3.00	1.78
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.58**	**-0.86**	**1.62**	**-1.22**	**-1.39**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.24	1.38	3.00	1.78	0.39

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic